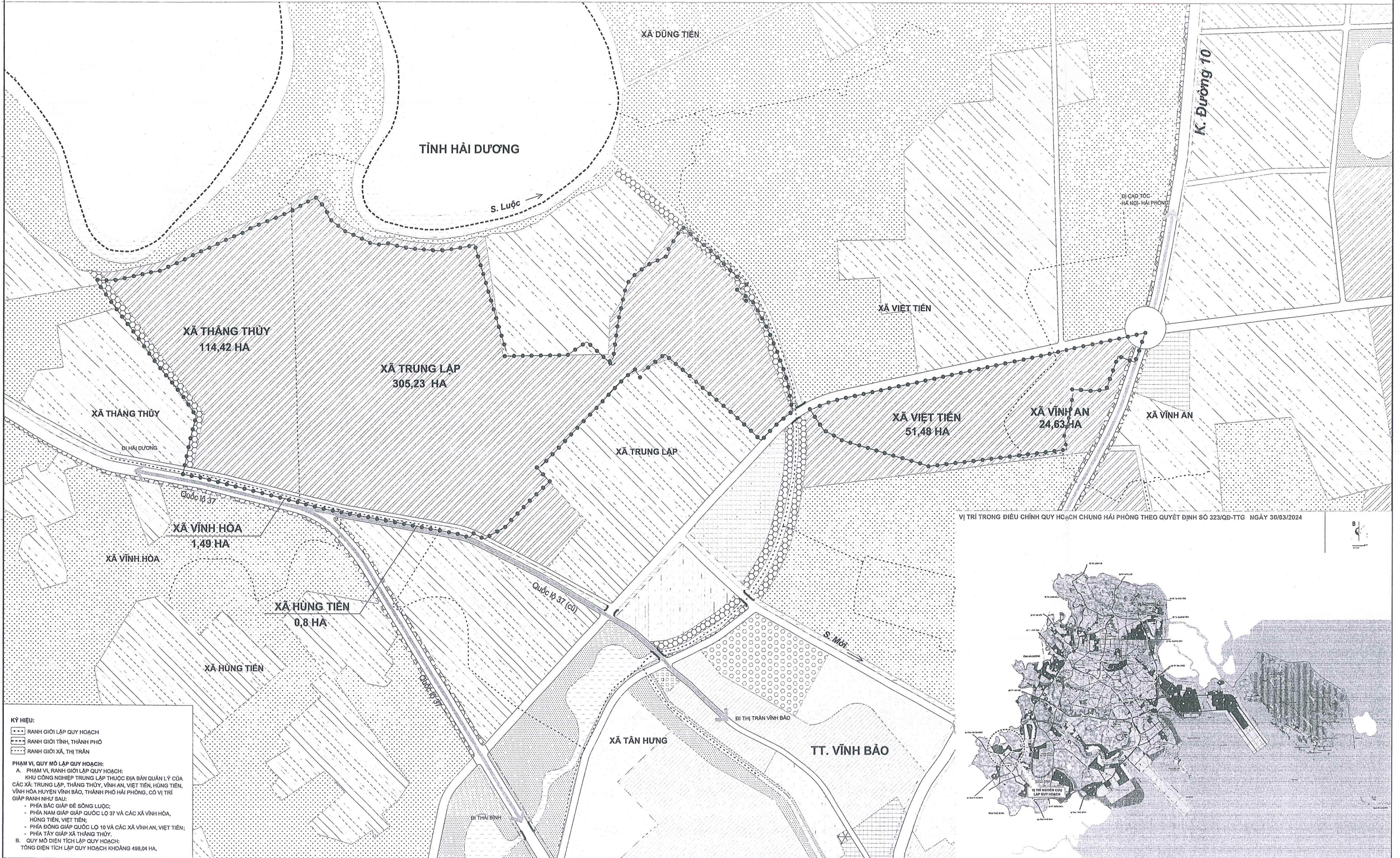
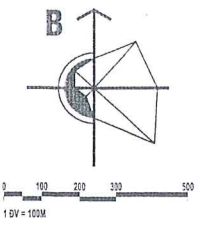


ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

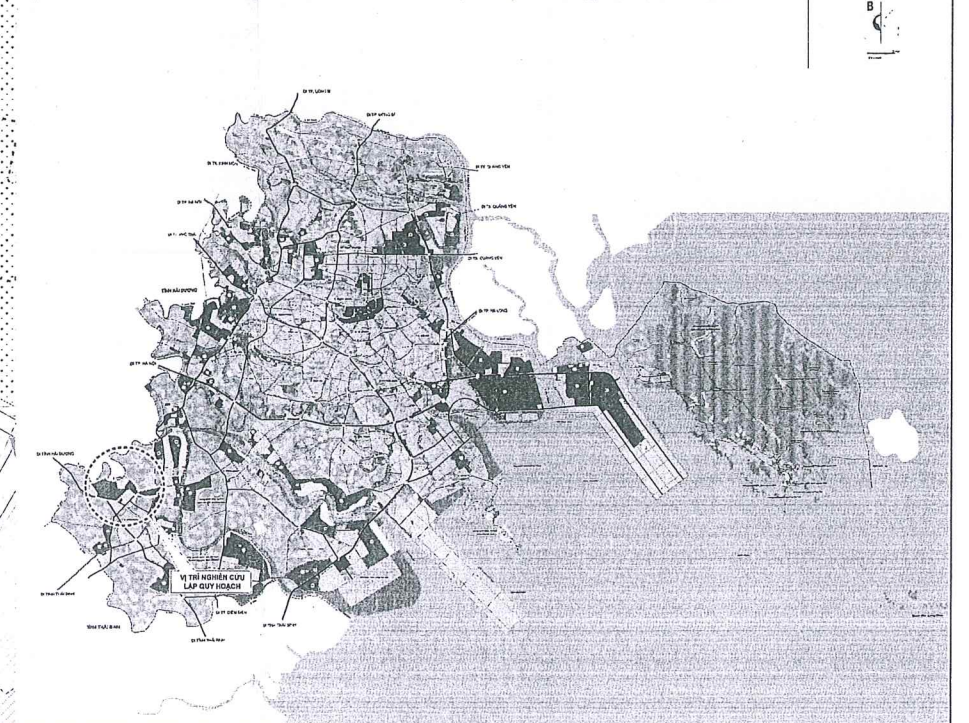
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT



KÝ HIỆU:
- - - RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- - - RANH GIỚI TỈNH, THÀNH PHỐ
- - - RANH GIỚI XÃ, THỊ TRẤN

PHẠM VI, QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH:
A. PHẠM VI, RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH:
KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP THUỘC ĐỊA BÀN QUẢN LÝ CỦA CÁC XÃ: TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, CÓ VỊ TRÍ GIÁP RANH NHƯ SAU:
- PHÍA BẮC GIÁP ĐỀ SÔNG LUỘC;
- PHÍA NAM GIÁP GIÁP QUỐC LỘ 37 VÀ CÁC XÃ VĨNH HÒA, HÙNG TIẾN, VIỆT TIẾN;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP QUỐC LỘ 10 VÀ CÁC XÃ VĨNH AN, VIỆT TIẾN;
- PHÍA TÂY GIÁP XÃ THẮNG THỦY.
B. QUY MÔ DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH:
TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH KHOẢNG 498,04 HA,

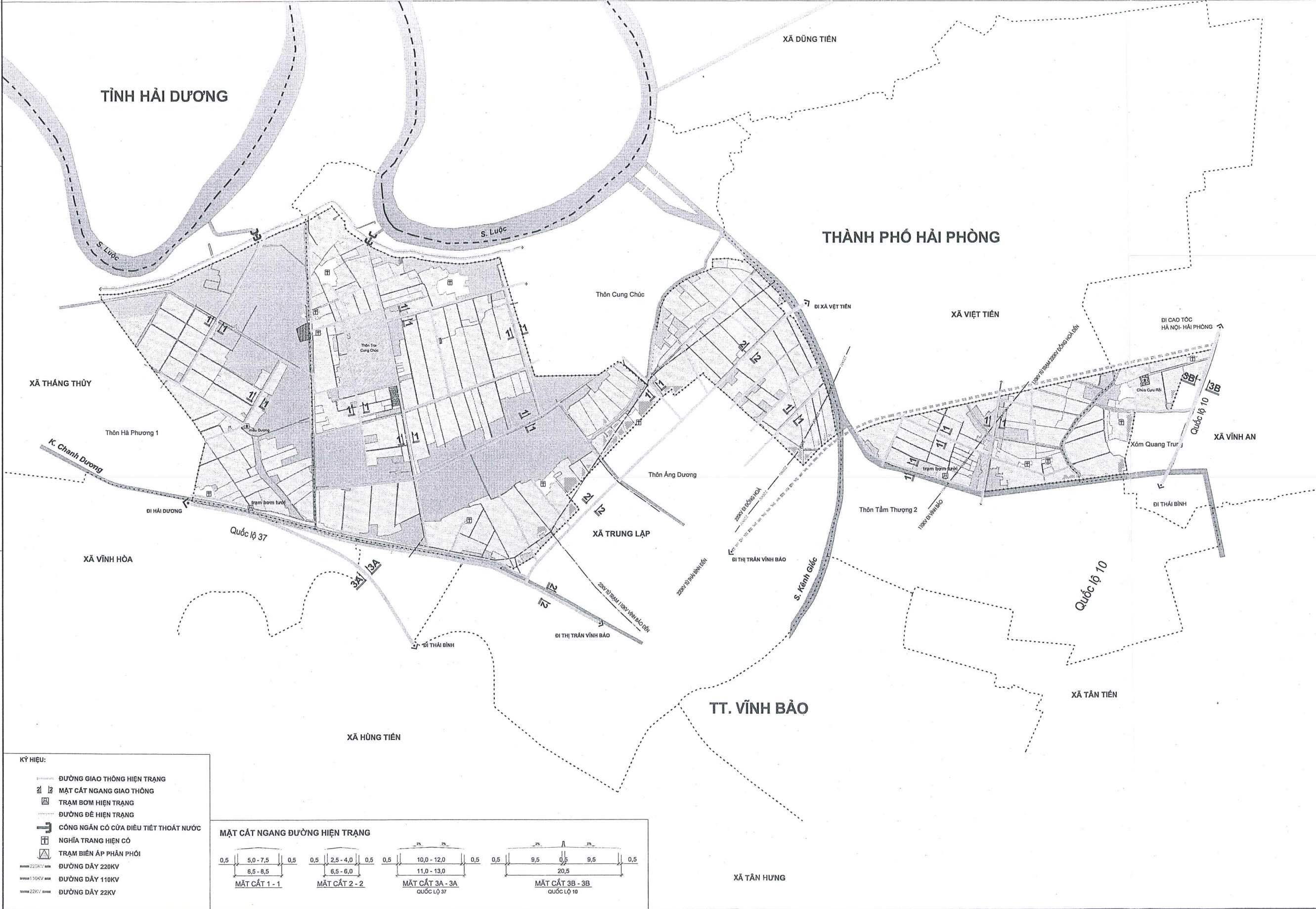
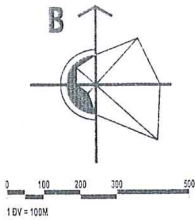
VỊ TRÍ TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG HẢI PHÒNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 323/QĐ-TTG NGÀY 30/03/2024



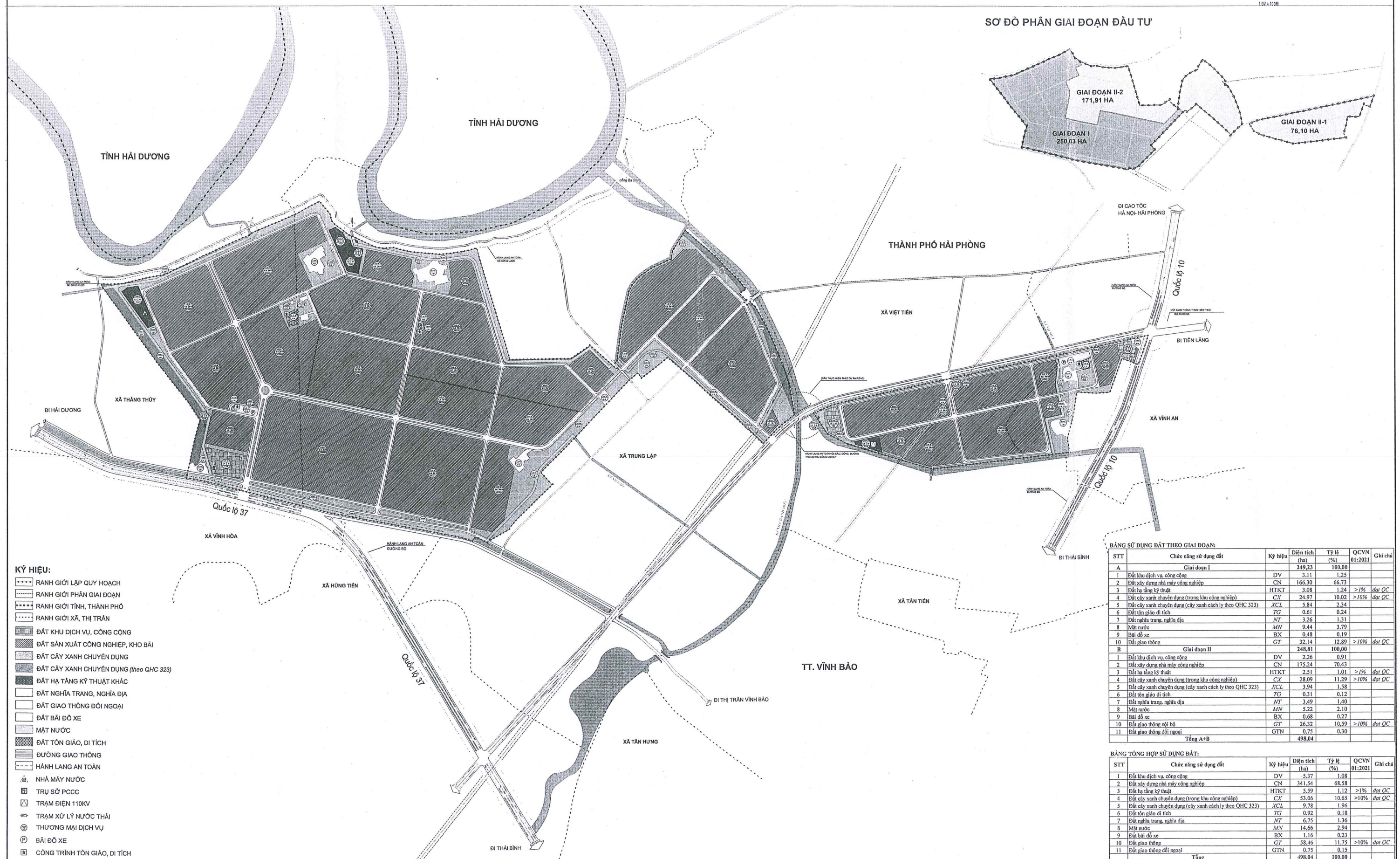
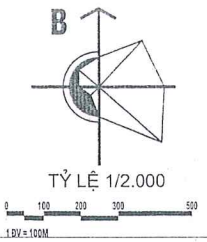
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

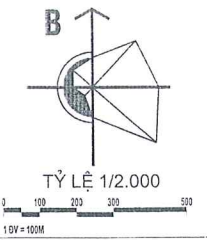
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



**QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**



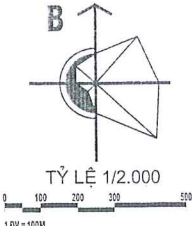
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN



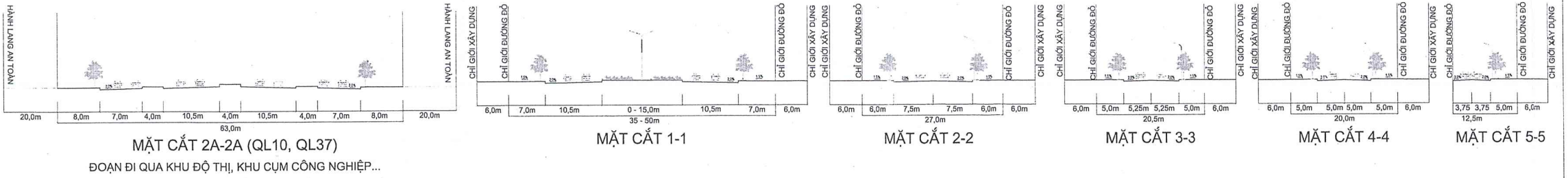
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

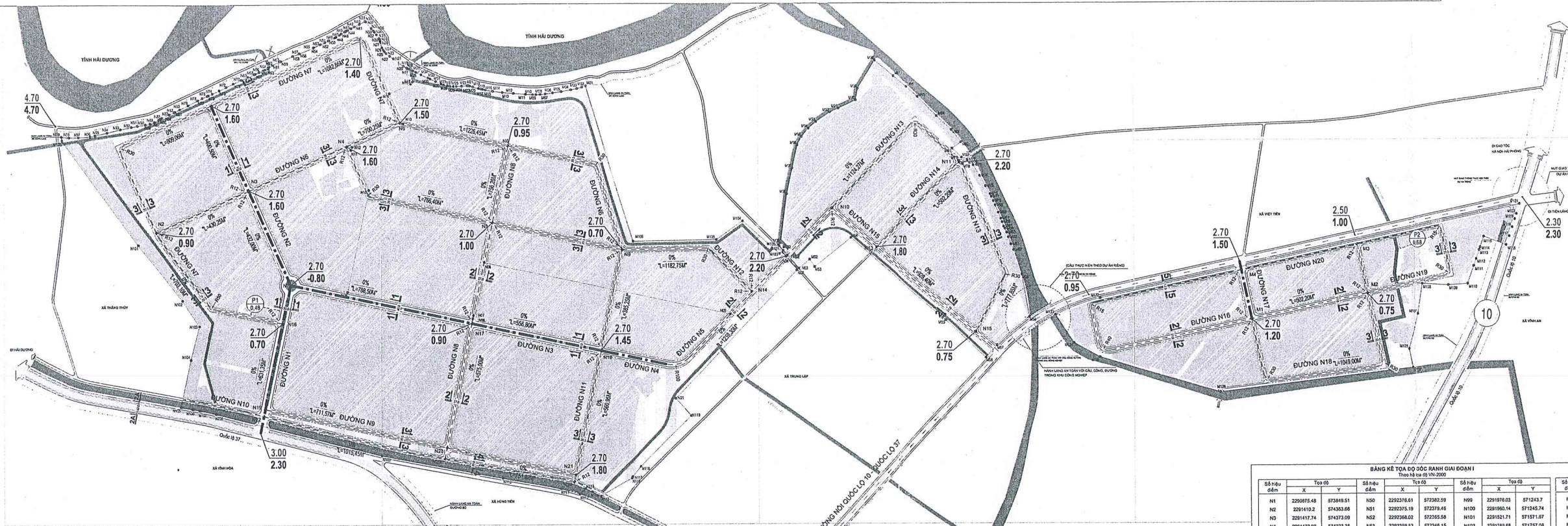
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH:



- KÍ HIỆU
- QUỐC LỘ
 - ĐƯỜNG CHÍNH KHU CÔNG NGHIỆP
 - ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CÔNG NGHIỆP
 - HÀNH LANG AN TOÀN
 - CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)
 - CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)
 - BÃI ĐÓ XE
 - DIỆN TÍCH (HA)
 - ±M1
 - N1
 - R20
 - 0%
 - L=951.95M
 - 5
 - 15
 - KÍ HIỆU MẶT CẮT GIAO THÔNG
 - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
 - CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ

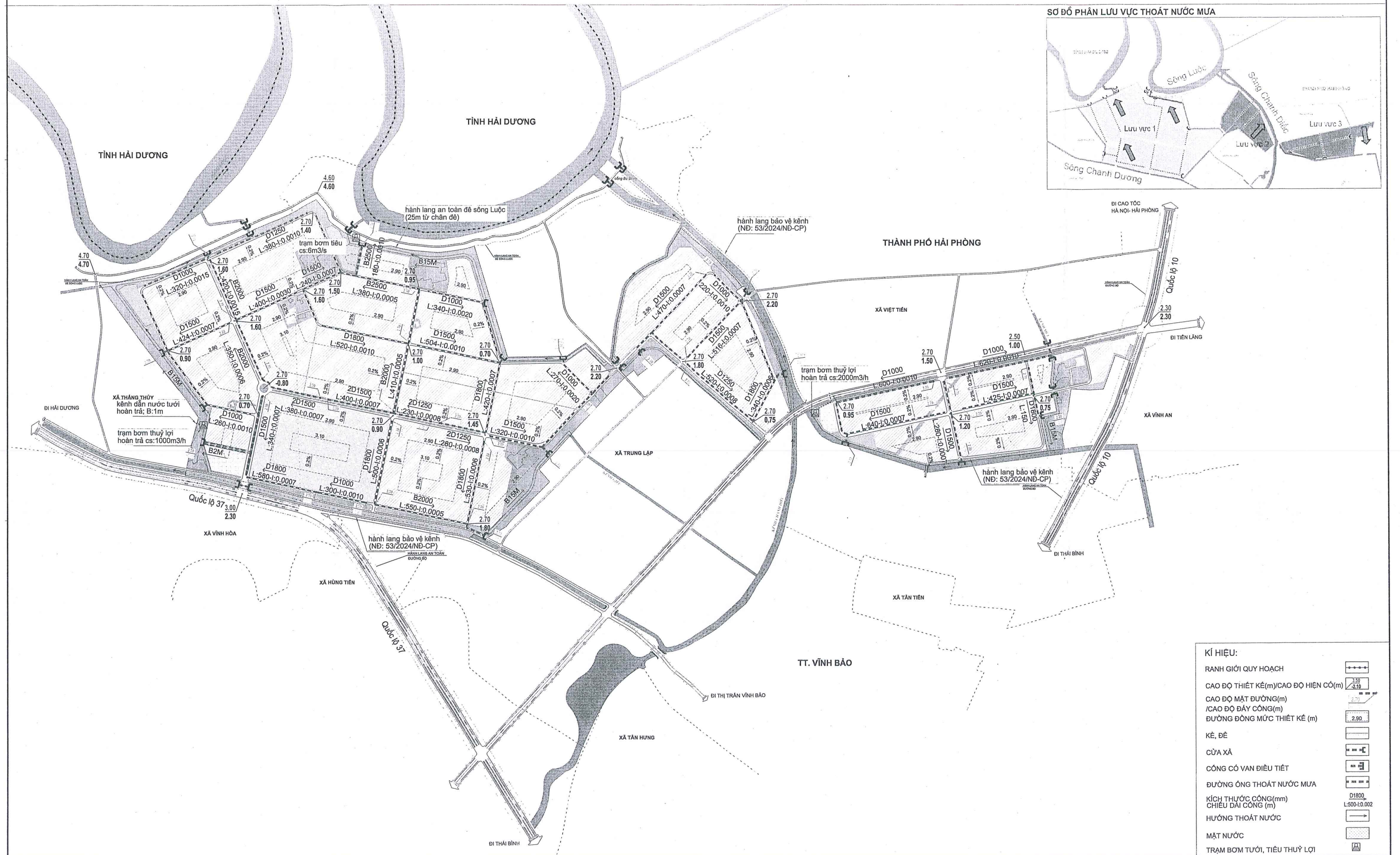
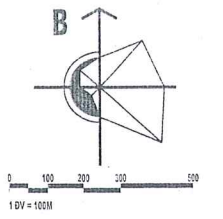


BẢNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO THÔNG

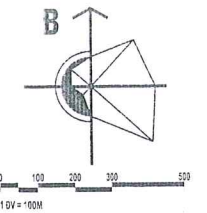
Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
N1	229105.20	571881.94
N2	2291573.69	57167.53
N3	2291748.2	572040.8
N4	2291931.63	572454.74
N5	2292029.5	572682.05
N6	2291931.34	573143.67
N7	2291352.96	572216.18
N8	2291612.33	573076.53
N9	2291498.96	573623.24
N10	2291669.18	574515.47
N11	2291859.38	575059.47
N12	2291487.9	574318.38
N13	2291505.03	574707.73
N14	2291320.36	574173.95
N15	2291150.67	575123.65
N16	2291192.58	572182.51
N17	2291191.3	572987.67
N18	2291076.69	573532.82
N19	2290834.9	572107.17
N20	2290672.48	572878.77
N21	2290567.81	573423.64
N22	2290604.67	572100.82
N23	2290627.55	572869.05
N24	2290527.9	573417.33
M1	2291199.01	576298.02
M2	2291305.58	576788.8
M3	2291510.69	576744.71
M4	2291405.16	576253.72

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH GIỚI ĐOẠN I						BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH GIỚI ĐOẠN II					
Thước kẻ tỷ lệ 1/2.000						Thước kẻ tỷ lệ 1/2.000					
Số hiệu điểm	X	Y	Số hiệu điểm	X	Y	Số hiệu điểm	X	Y	Số hiệu điểm	X	Y
N1	2290875.48	573849.51	N50	2292376.81	572382.59	N99	2291976.03	571243.7	M1	2291931.14	574358.63
N2	2291410.2	574353.68	N51	2292375.19	572379.46	N100	2291960.14	571245.74	M2	2291977.85	574351.73
N3	2291417.74	574353.68	N52	2292364.52	572365.58	N101	2291921.71	571245.74	M3	2292171.94	574351.73
N4	2291472.99	574353.68	N53	2292359.33	572345.15	N102	2291939.68	571245.74	M4	2292166.6	574356.02
N5	2291226.76	574082.32	N54	2292347.69	572317.83	N103	2291927.1	571245.74	M5	2292159.45	573568.77
N6	2291445.78	573041.48	N55	2292344.92	572315.41	N104	2291942.87	571245.74	M6	2292153.85	573529.83
N7	2291224.06	572994.83	N56	2292332.16	572254.44	N105	2291945.13	571245.74	M7	2292148.73	573529.83
N8	2291218.82	572982.06	N57	2292321.39	572254.44	N106	2291945.48	571245.74	M8	2292147.53	573529.83
N9	2291323.41	572947.47	N58	2292311.35	572224.44	N107	2291945.82	571245.74	M9	2292143.52	573529.83
N10	2291748.13	572547.05	N59	2292290.72	572174.86	N108	2291945.82	571245.74	M10	2292143.52	573529.83
N11	2291916.76	572412.67	N60	2292289.72	572174.86	N109	2291945.82	571245.74	M11	2292143.52	573529.83
N12	2291929.96	572417.75	N61	2292273.81	572143.19	N110	2291945.82	571245.74	M12	2292143.52	573529.83
N13	2292029.24	572594.73	N62	2292261.04	572125.45	N111	2291945.82	571245.74	M13	2292143.52	573529.83
N14	2292153.58	572638.32	N63	2292254.81	572125.45	N112	2291945.82	571245.74	M14	2292143.52	573529.83
N15	2292193.03	572727.11	N64	2292251.51	572104.59	N113	2291945.82	571245.74	M15	2292143.52	573529.83
N16	2292229.56	572735.18	N65	2292242.2	572064.66	N114	2291945.82	571245.74	M16	2292143.52	573529.83
N17	2292253.14	572729.28	N66	2292244.89	572064.66	N115	2291945.82	571245.74	M17	2292143.52	573529.83
N18	2292297.96	572712.79	N67	2292237.76	572070.38	N116	2291945.82	571245.74	M18	2292143.52	573529.83
N19	2292290.69	572710.82	N68	2292236.18	572068.67	N117	2291945.82	571245.74	M19	2292143.52	573529.83
N20	2292297.33	572697.87	N69	2292224.83	572039.54	N118	2291945.82	571245.74	M20	2292143.52	573529.83
N21	2292293.3	572694.28	N70	2292214.81	572012.12	N119	2291945.82	571245.74	M21	2292143.52	573529.83
N22	2292316.11	572660.69	N71	2292204.96	571978.34	N120	2291945.82	571245.74	M22	2292143.52	573529.83
N23	2292321.81	572655.66	N72	2292192.66	571948.08	N121	2291945.82	571245.74	M23	2292143.52	573529.83
N24	2292328.18	572648.63	N73	2292188.55	571917.07	N122	2291945.82	571245.74	M24	2292143.52	573529.83
N25	2292332.79	572641.44	N74	2292184.42	571887.21	N123	2291945.82	571245.74	M25	2292143.52	573529.83
N26	2292345.92	572637.86	N75	2292180.29	571857.35	N124	2291945.82	571245.74	M26	2292143.52	573529.83
N27	2292359.22	572634.28	N76	2292176.16	571827.49	N125	2291945.82	571245.74	M27	2292143.52	573529.83
N28	2292373.08	572629.66	N77	2292172.03	571797.63	N126	2291945.82	571245.74	M28	2292143.52	573529.83
N29	2292386.94	572625.04	N78	2292167.90	571767.77	N127	2291945.82	571245.74	M29	2292143.52	573529.83
N30	2292399.80	572620.42	N79	2292163.77	571737.91	N128	2291945.82	571245.74	M30	2292143.52	573529.83
N31	2292412.66	572615.80	N80	2292159.64	571708.05	N129	2291945.82	571245.74	M31	2292143.52	573529.83
N32	2292425.52	572611.18	N81	2292155.51	571678.19	N130	2291945.82	571245.74	M32	2292143.52	573529.83
N33	2292438.38	572606.56	N82	2292151.38	571648.33	N131	2291945.82	571245.74	M33	2292143.52	573529.83
N34	2292451.24	572601.94	N83	2292147.25	571618.47	N132	2291945.82	571245.74	M34	2292143.52	573529.83
N35	2292464.10	572597.32	N84	2292143.12	571588.61	N133	2291945.82	571245.74	M35	2292143.52	573529.83
N36	2292476.96	572592.70	N85	2292138.99	571558.75	N134	2291945.82	571245.74	M36	2292143.52	573529.83
N37	2292489.82	572588.08	N86	2292134.86	571528.89	N135	2291945.82	571245.74	M37	2292143.52	573529.83
N38	2292502.68	572583.46	N87	2292130.73	571499.03	N136	2291945.82	571245.74	M38	2292143.52	573529.83
N39	2292515.54	572578.84	N88	2292126.60	571469.17	N137	2291945.82	571245.74	M39	2292143.52	573529.83
N40	2292528.40	572574.22	N89	2292122.47	571439.31	N138	2291945.82	571245.74	M40	2292143.52	573529.83
N41	2292541.26	572569.60	N90	2292118.34	571409.45	N139	2291945.82	571245.74	M41	2292143.52	573529.83
N42	2292554.12	572564.98	N91	2292114.21	571379.59	N140	2291945.82	571245.74	M42	2292143.52	573529.83
N43	2292566.98	572560.36	N92	2292109.08	571349.73	N141	2291945.82	571245.74	M43	2292143.52	573529.83
N44	2292579.84	572555.74	N93	2292104.95	571319.87	N142	2291945.82	571245.74	M44	2292143.52	573529.83
N45	2292592.70	572551.12	N94	2292099.82	571289.01	N143	2291945.82	571245.74	M45	2292143.52	573529.83
N46	2292605.56	572546.50	N95	2292095.69	571259.15	N144	2291945.82	571245.74	M46	2292143.52	573529.83
N47	2292618.42	572541.88	N96	2292091.56	571229.29	N145	2291945.82	571245.74	M47	2292143.52	573529.83
N48	2292631.28	572537.26	N97	2292087.43	571199.43	N146	2291945.82	571245.74	M48	2292143.52	573529.83
N49	2292644.14	572532.64	N98	2292083.30	571169.57	N147	2291945.82	571245.74	M49	2292143.52	573529.83

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CHUẨN BỊ KỸ THUẬT



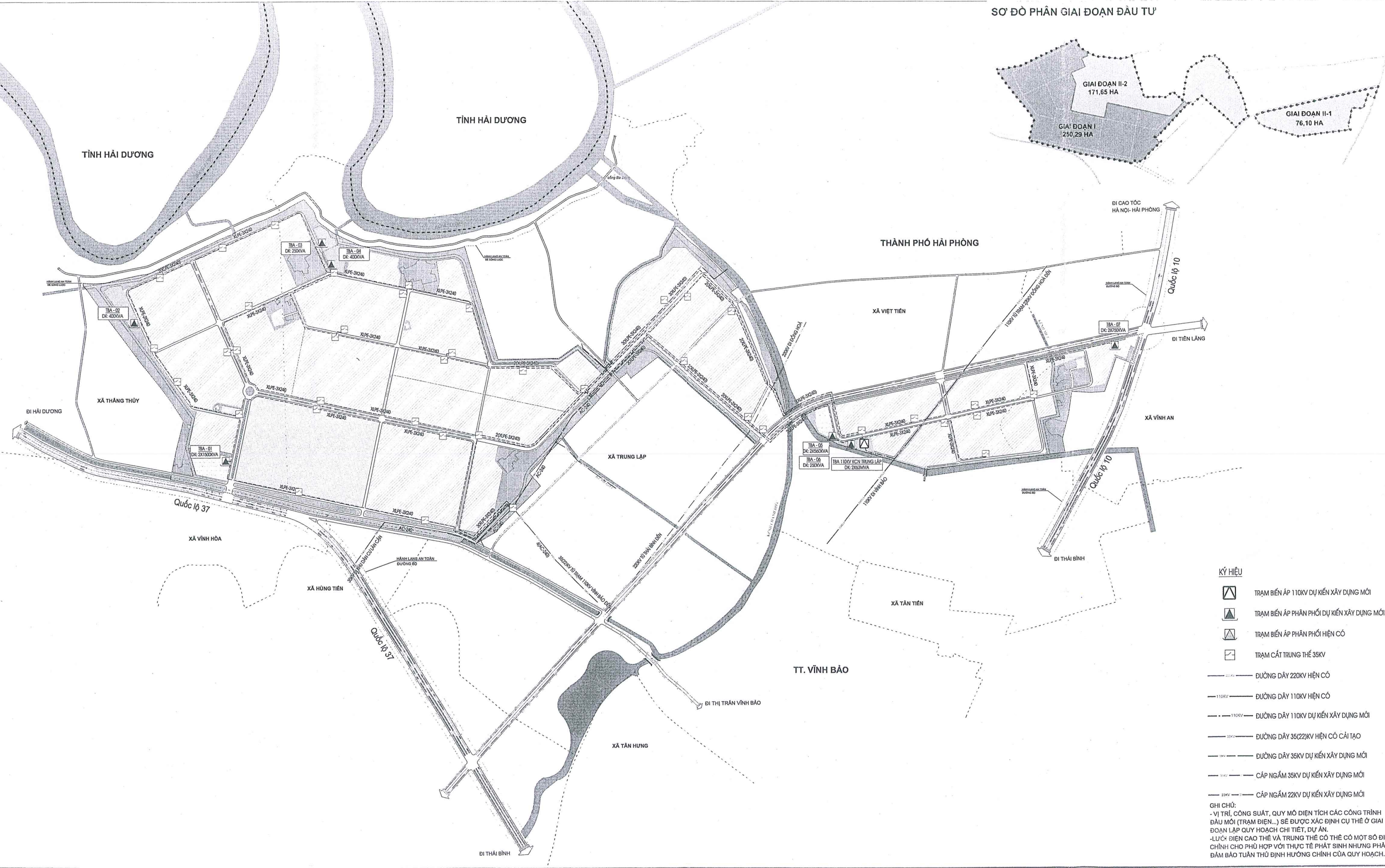
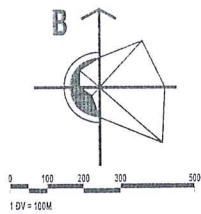
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC



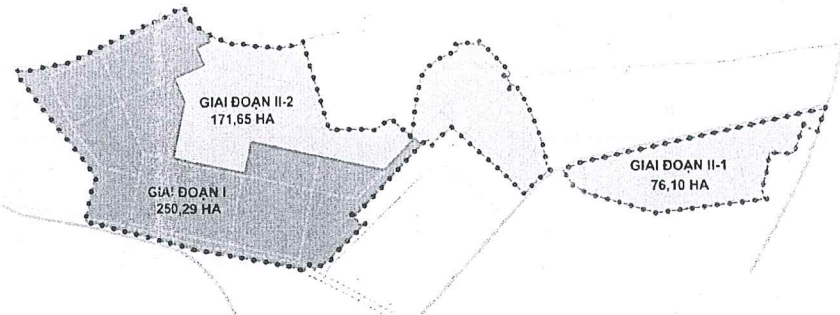
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THĂNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NĂNG LƯỢNG



SƠ ĐỒ PHÂN GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ

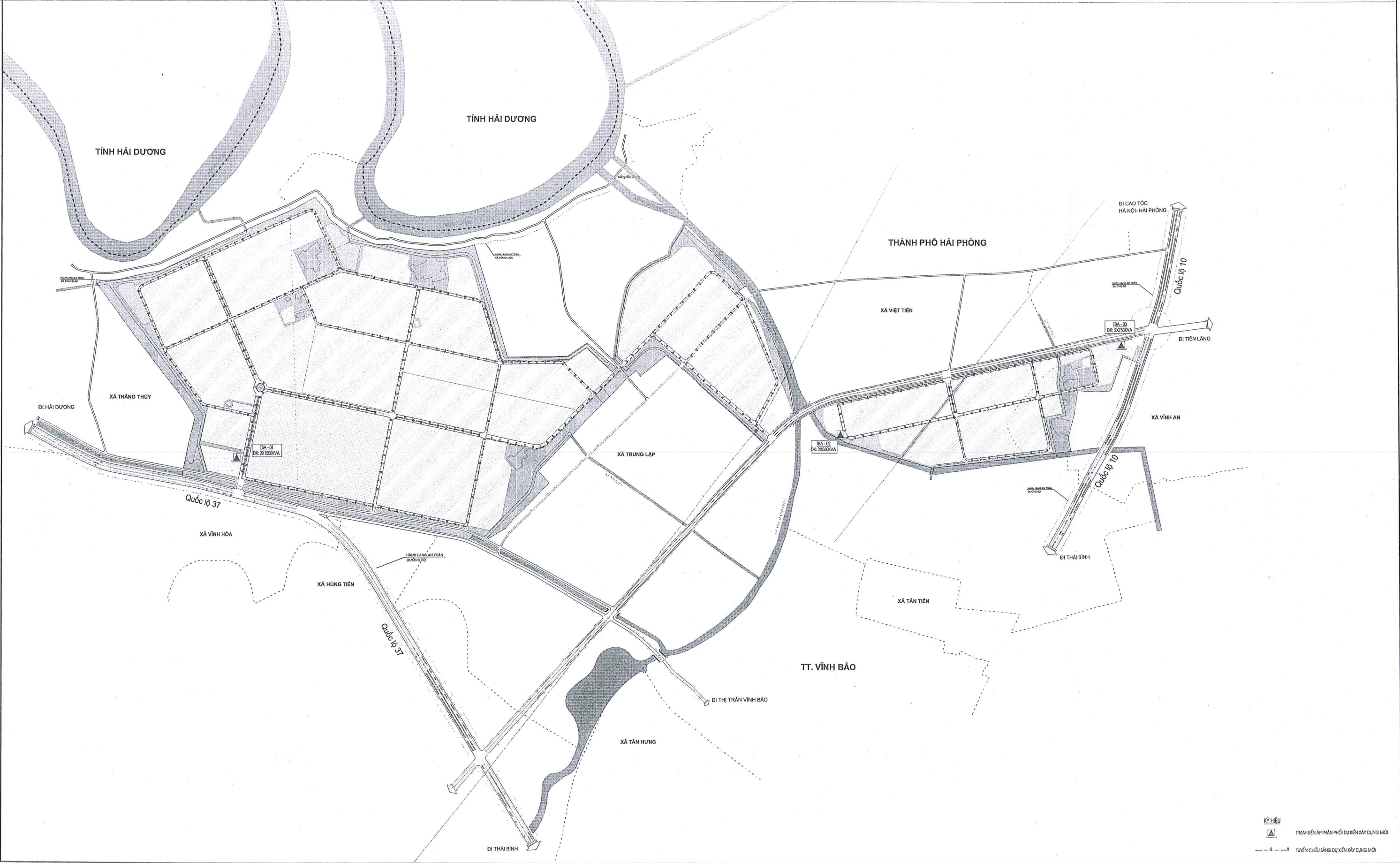
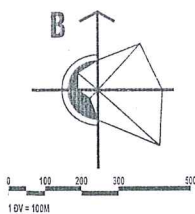


- KÝ HIỆU**
- TRẠM BIẾN ÁP 110KV DỰ KIẾN XÂY DỰNG MỚI
 - TRẠM BIẾN ÁP PHÂN PHỐI DỰ KIẾN XÂY DỰNG MỚI
 - TRẠM BIẾN ÁP PHÂN PHỐI HIỆN CÓ
 - TRẠM CẮT TRUNG THỂ 35KV
 - ĐƯỜNG DÂY 220KV HIỆN CÓ
 - ĐƯỜNG DÂY 110KV HIỆN CÓ
 - ĐƯỜNG DÂY 110KV DỰ KIẾN XÂY DỰNG MỚI
 - ĐƯỜNG DÂY 35KV HIỆN CÓ CẢI TẠO
 - ĐƯỜNG DÂY 35KV DỰ KIẾN XÂY DỰNG MỚI
 - CÁP NGẮM 35KV DỰ KIẾN XÂY DỰNG MỚI
 - CÁP NGẮM 22KV DỰ KIẾN XÂY DỰNG MỚI
- GHI CHÚ:**
- VỊ TRÍ, CÔNG SUẤT, QUY MÔ DIỆN TÍCH CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI (TRẠM ĐIỆN...) SẼ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH CỤ THỂ Ở GIAI ĐOẠN LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT, DỰ ÁN.
 - LƯỚI ĐIỆN CAO THẾ VÀ TRUNG THỂ CÓ THỂ CÓ MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ PHÁT SINH NHƯNG PHẢI ĐẢM BẢO TUÂN THỦ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH.

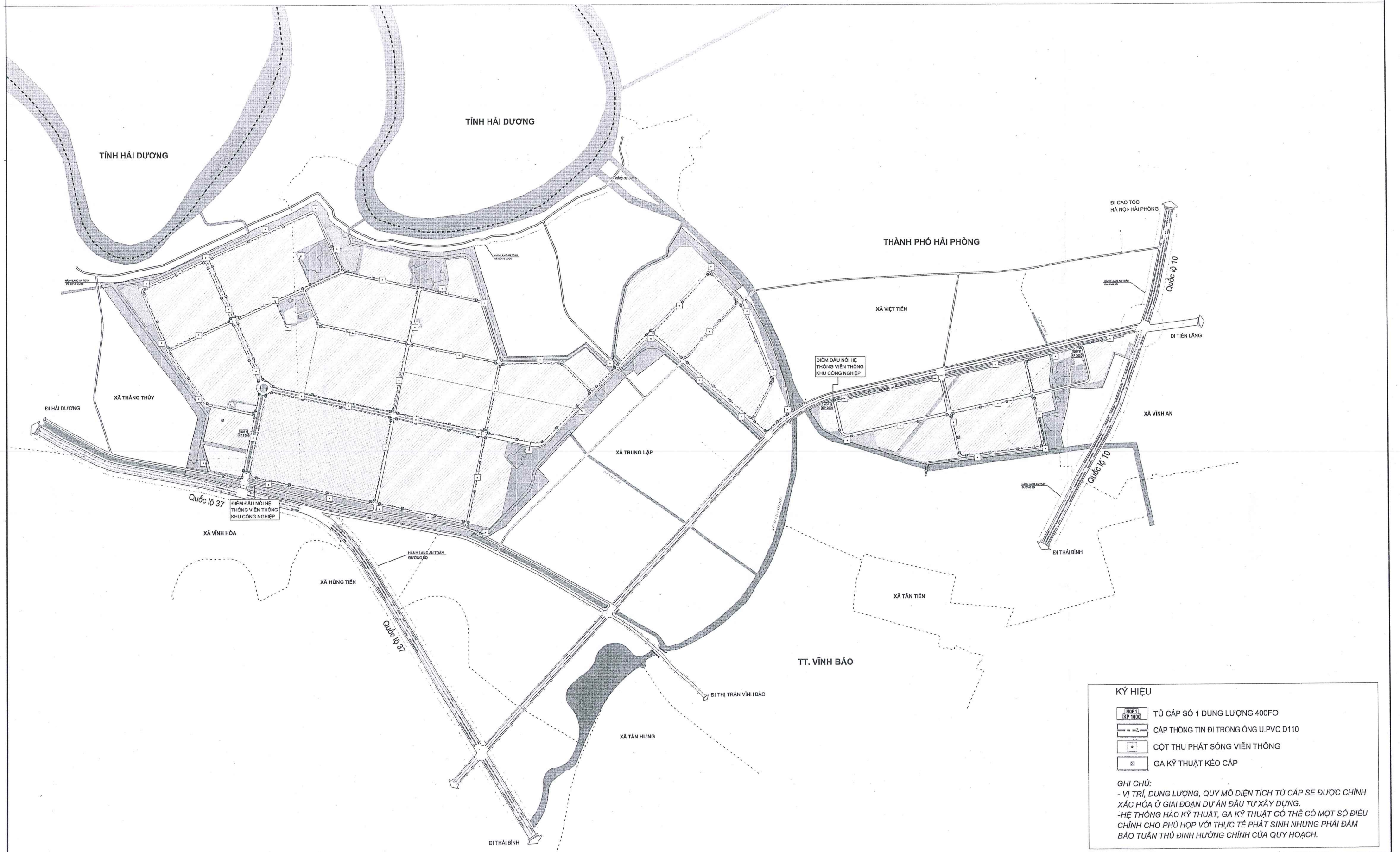
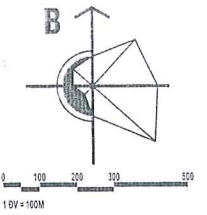
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG



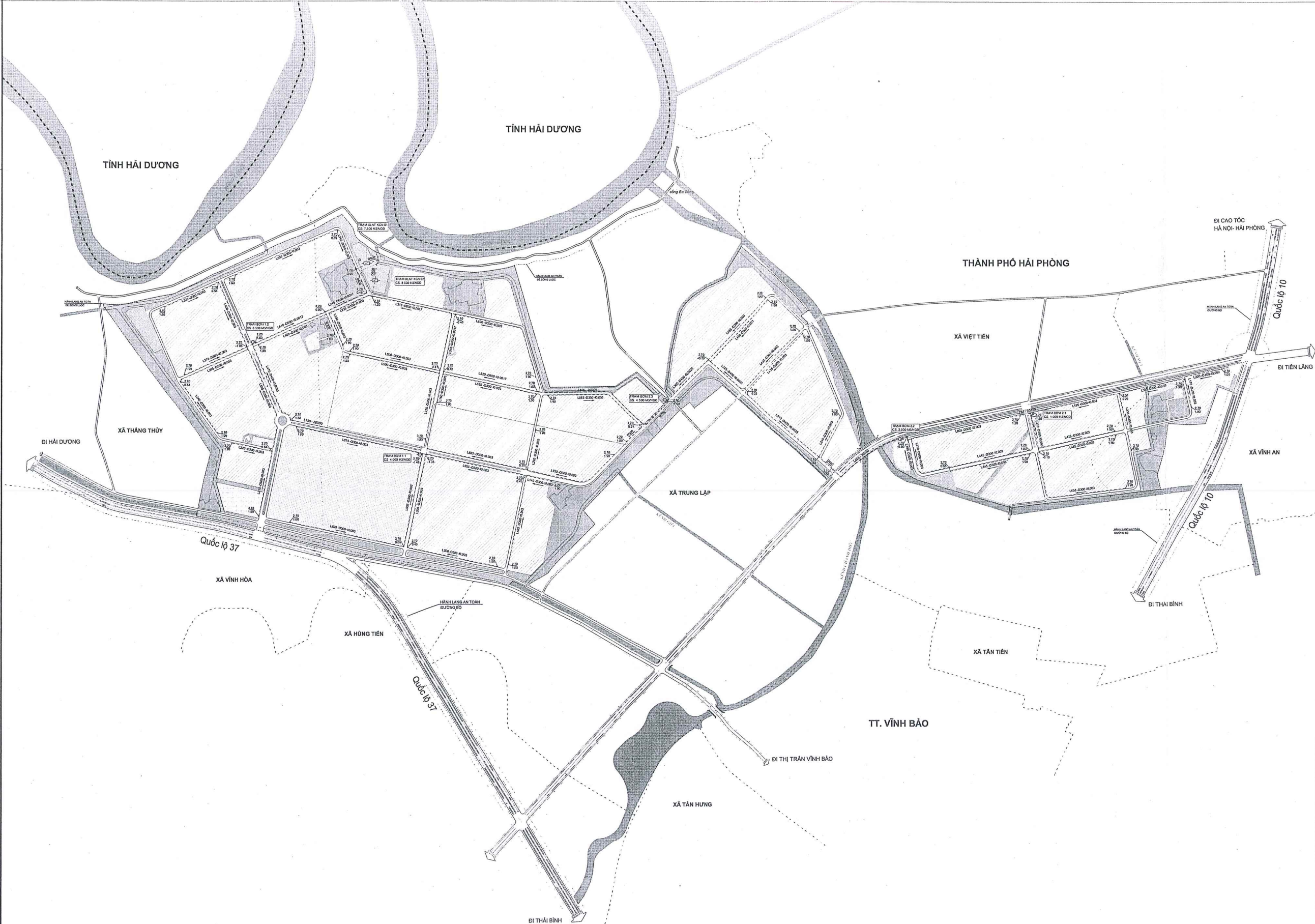
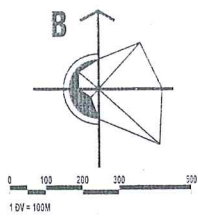
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG



ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN



KÝ HIỆU:

- CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI TỰ CHẢY
- CÔNG ÁP LỰC
- L.300-0.300-10.003 CHIỀU DÀI - ĐƯỜNG KÍNH - ĐỘ DỐC TỐI THIỂU
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
- ĐIỂM TẬP KẾT CHẤT THẢI RẮN
- 4.00 CAO ĐỘ NỀN THIẾT KẾ (M)
- 3.00 CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG (M)

GHI CHÚ:

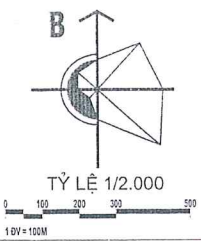
- VỊ TRÍ, RANH GIỚI, CÔNG SUẤT, QUY MÔ DIỆN TÍCH CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU MÔI (TRẠM BƠM, TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, ĐIỂM TẬP KẾT CHẤT THẢI RẮN) SẼ ĐƯỢC CHỈNH KẾ HOA TẠI CÁC ĐỒ AN QUY HOẠCH Ở SƠ ĐỒ QUY HOẠCH CHI TIẾT VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.

- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CÓ THỂ CÓ MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ PHÁT SINH NHƯNG PHẢI ĐẢM BẢO TUÂN THỦ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH.

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA HUYỆN VĨNH BÀO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP

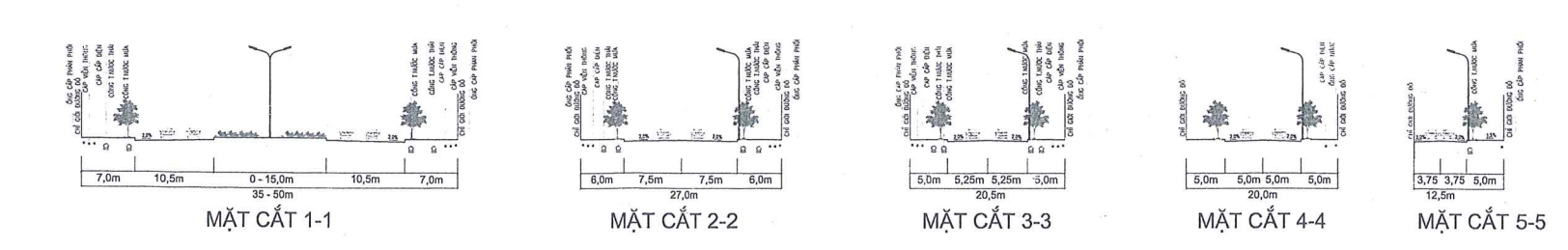
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT



- KÍ HIỆU:
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
 - ĐƯỜNG CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA
 - ĐƯỜNG CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI
 - ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN
 - ĐƯỜNG CẤP THÔNG TIN
 - ĐƯỜNG CẤP CHIẾU SÁNG
 - CỬA XẢ NƯỚC MƯA
 - TRỤ SỞ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU HỘ CỨU NẠN
 - NHÀ MÁY NƯỚC DỰ KIẾN
 - TRẠM BIẾN ÁP 220KV DỰ KIẾN
 - TRẠM BIẾN ÁP 110KV DỰ KIẾN
 - CỘT THU PHÁT SÓNG VIỄN THÔNG
 - TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 - TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
 - ĐIỂM TẬP KẾT CHẤT THẢI RẮN



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH:



ĐỊA ĐIỂM: CÁC XÃ TRUNG LẬP, THẮNG THỦY, VĨNH AN, VIỆT TIẾN, HÙNG TIẾN, VĨNH HÒA, HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000 KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG LẬP
BẢN VẼ ĐỊNH HƯỚNG, QUY ĐỊNH VIỆC KIỂM SOÁT VỀ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

